

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2018/DS-ST**

Ngày: 02/3/2018

V/v tranh chấp: hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim
2. Ông Lê Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST-DS, ngày 11 tháng 8 năm 2017, về tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-DS ngày 24/01/2018, và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 09/2/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1977.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là: Đỗ Thành L, sinh năm 1974; theo Giấy ủy quyền lập ngày 20/11/2017, được công chứng số: 647 quyền số 01/2017 TP/CC_SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng X.

Nơi cư trú: Tổ A, khu phố P, thị trấn P1, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Kim H, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Tổ B, thôn C, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đỗ Thành L, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Tổ A, khu phố P, thị trấn P1, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Ông Lê Hồng T, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Tổ B, thôn C, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông L, T; vắng mặt bà H và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thành L trình bày:

Ngày 01 tháng 9 năm 2016, bà Ngô Thị Kim H trực tiếp đến gặp bà T để vay số tiền 90.000.000đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, các bên có thỏa thuận lãi suất được tính theo lãi suất của ngân hàng và thời hạn cho vay là từ 06 đến 08 tháng, tuy nhiên khi lập giấy vay mượn tiền thì không ghi những nội dung này. Hàng tháng bà H phải có trách nhiệm trả tiền lãi, ban đầu bà H đã trả lãi theo đúng cam kết, nhưng từ tháng 4/2017 thì bà H không còn tiếp tục trả lãi nữa. Tính đến nay số nợ trên đã quá thời hạn, mặc dù vợ chồng ông L và bà T đã nhiều lần hối thúc trả nợ nhưng bà H cứ dây dưa không chịu trả. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu bà H cùng ông T là chồng của bà H, phải có trách nhiệm cùng liên đới trả số nợ gốc là 90.000.000đồng, và tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 01/4/2017 cho đến nay, với lãi suất được tính theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên.

Tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn Ngô Thị Kim H trình bày:

Thực tế, số tiền 90.000.000đồng mà bà vay từ bà T là vay mượn giùm cho người em dâu là bà Phan Thị Minh T, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 3%/tháng, tuy nhiên không có thỏa thuận thời hạn vay. Để làm tin bà H có đứng tên viết giấy nợ, trong nội dung giấy này hoàn toàn không ghi thời hạn vay và lãi suất. Khi nhận số tiền trên từ bà T, bà H có liên lạc với bà T để gửi tiền nhưng bà T có nhờ bà H trả nợ cho bà Việt (hiện không rõ nhân thân), số tiền còn lại là 28.000.000đồng thì

bà H có cho bà Nguyễn Thị Thu H vay lại. Nay bà T khởi kiện yêu cầu trả nợ, bà H đồng ý trả khoản nợ 90.000.000đồng nhưng vì chưa thu hồi được nợ từ bà T và bà H, hoàn cảnh gia đình lại hết sức khó khăn nên bà H xin được trả nợ dần dần.

Tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hồng T trình bày:

Về khoản nợ mà bà T khởi kiện, ban đầu ông không thừa nhận là nợ chung của vợ chồng. Nhưng tại phiên tòa, ông đồng ý cùng bà H trả số nợ 90.000.000đồng cho vợ chồng bà T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào yêu cầu tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2017, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Ngoài ra, tại đơn xin xét xử vắng mặt của bà H có nội dung ủy quyền cho ông T được quyền giải quyết vụ việc, tuy nhiên nội dung ủy quyền này không xác định rõ việc ủy quyền này là nhằm giải quyết nội dung gì, cũng như không đảm bảo về mặt hình thức của giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án không chấp nhận việc bà H có ủy quyền cho ông T.

[5] *Nhận định nội dung vụ án:*

Giao dịch dân sự của các bên đương sự được xác lập vào ngày 01/9/2016, đây là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản liên quan, để giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ án.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bà H thừa nhận có trực tiếp vay và nhận số tiền 90.000.000đồng từ bà T. Đây hoàn toàn là sự thật, và quan hệ giao dịch dân sự này được xây dựng dựa trên sự hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận của các bên, nên được pháp luật bảo vệ. Khi vay tiền, các bên có lập Giấy mượn tiền đề ngày 01/9/2016, có chữ ký xác nhận của bà H, tại phần nội dung không ghi nhận về thời hạn vay, cũng như lãi suất đã thỏa thuận. Mặc dù các bên đều thừa nhận việc có tính lãi suất, nhưng không thống nhất lãi suất là bao nhiêu, nên Tòa án không có đủ cơ sở để xác định lãi suất mà các bên đã thỏa thuận. Căn cứ vào chứng cứ là Giấy mượn tiền lập ngày 01/9/2016, Tòa án xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi, được quy định tại Khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự.

Đối với khoản nợ trên, bà H nói rằng đây là khoản nợ vay giùm cho người em dâu là bà Phan Thị Minh T, và cho bà Đinh Thị Thu H vay 28.000.000đồng, vì lý do chưa thu hồi được khoản nợ từ những người này nên bà H chưa trả được nợ cho bà T. Tòa án đã triệu tập bà T và bà H, theo địa chỉ mà bà H cung cấp nhưng đến nay vẫn không thể thu thập lời khai từ những người này. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà H đồng ý trả số tiền nợ 90.000.000đồng cho vợ chồng bà T, tại phiên tòa ông T cũng đồng ý cùng bà H trả số nợ trên. Vì vậy, cần buộc bà H và ông T cùng có trách nhiệm trả số tiền 90.000.000đồng cho bà T và ông L, là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về lãi suất: Tại phiên tòa, ông L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Thấy rằng, đây là yêu cầu hoàn toàn phù hợp nên cần chấp nhận.

Nhưng căn cứ quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà H và ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ khi bà T và ông L có đơn yêu cầu thi hành án, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Vì

khoản tiền lãi chậm trả này được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực, nên Tòa án áp dụng quy định tại bộ luật này.

[7] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn Ngô Thị Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Lê Hồng T có cung cấp cho Tòa án đơn xin miễn giảm tiền án phí, vì lý do hoàn cảnh gia đình đang hết sức khó khăn. Tuy nhiên, vấn đề này không được chính quyền địa phương nơi bà H và ông T xác nhận. Nên Tòa án không có đủ cơ sở để giảm một phần án phí cho bà H và ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2011;

Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Ngô Thị Kim H và ông Lê Hồng T phải trả cho bà Huỳnh Thị Kim T và ông Đỗ Thành L số tiền 90.000.000đồng.

Căn cứ quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà H và ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ khi bà T và ông L có đơn yêu cầu thi hành án, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bà Ngô Thị Kim H và ông Lê Hồng T phải chịu 4.500.000đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013224 ngày 11/8/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Báo cho nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (02/3/2018); bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

TAND tỉnh;
VKSND huyện;
THADS huyện;
Các đương sự;
Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Minh Tuấn